

THÔNG BÁO

**Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
của Trường THCS&THPT Quảng Khê 06 tháng năm 2026**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Trường THCS&THPT Quảng Khê thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước 06 tháng năm 2026 theo biểu gửi kèm./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Ban Giám hiệu;
- Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng;
- Sở GD&ĐT Thái Nguyên (Báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử Trường THCS &THPT Quảng Khê;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Lanh

Đồng Phúc, ngày 08 tháng 7 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 06 THÁNG NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Trường THCS&THPT Quảng Khê công khai thực hiện dự toán ngân sách 06 tháng năm 2026 như sau:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 (bao gồm cả số chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026)	Thực hiện 06 tháng năm 2026	Thực hiện Quý II năm 2026/dự toán năm 2026 (tỷ lệ %)	Thực hiện Quý II năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Tổng cộng	15.617.528.222	7.350.265.260	47,06%	121,63%
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0	0	#DIV/0!	
1	Thu học phí	0		#DIV/0!	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.617.528.222	7.350.265.260	47,06%	121,63%
I	Kinh phí thường xuyên	9.859.653.622	4.670.234.391	47,37%	87,03%
	Quỹ tiền lương, các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động	9.859.653.622	4.670.234.391	47,37%	
II	Kinh phí không thường xuyên	5.757.874.600	2.680.030.869	46,55%	396,08%
1	Tiền thưởng thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	389.000.000	0	0,00%	
2	Lương, các khoản đóng góp theo lương, chi hoạt động của hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	670.000.000	324.454.802	48,43%	
3	Chính sách hỗ trợ học sinh vùng KTXH đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	1.693.664.000	1.004.400.000	59,30%	
4	Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	1.231.210.600	618.500.000	50,24%	
	- Cấp bù miễn giảm học phí	486.210.600	242.600.000	49,90%	
	- Hỗ trợ chi phí học tập	745.000.000	375.900.000	50,46%	
5	Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính	125.000.000	37.440.000	29,95%	
6	Chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập.	47.000.000	0	0,00%	
7	Trợ cấp 1 lần, bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm theo Nghị định 76/2019NĐ-CP, Nghị định 61/2006/NĐ-CP	122.000.000	0	0,00%	
8	Kinh phí vận chuyển gạo cho các trường học theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	10.000.000	2.364.000	23,64%	
9	Kinh phí thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025	70.000.000	50.458.000		
10	Kinh phí cải tạo, xây dựng công trình, mua sắm của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định hiện hành	1.400.000.000	642.414.067	45,89%	